

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Số: 80 /2026/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy
ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ
phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc các
đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý
số: 1012/2025/TLST- DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc “ Tranh chấp chia
tài sản chung và chia di sản thừa kế”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về
việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các
đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có
đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1942.

CCCD số 001142000074 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về
trật tự xã hội cấp ngày 20/01/2022.

Nơi thường trú: TDP N1, phường P, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Làng T, xã M, Hà Nội.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1974.

CCCD số 001174013503 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về
trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021.

Nơi thường trú: TDP N1, phường P, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Số 5, ngõ 65 phố T, phường P, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1971.

CCCD số 001071031759 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về
trật tự xã hội cấp ngày 01/5/2021.

Nơi thường trú: Đội 5 – T, xã M, thành phố Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1968.

CCCD số 001168000390 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về
trật tự xã hội cấp ngày 01/7/2022.

Nơi thường trú: TDP N1, phường P, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Thôn B, phường N, tỉnh Ninh Bình.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1, Xác định tài sản chung vợ chồng của ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị N là:

Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 10, diện tích 139 m² tại địa chỉ Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội) và các công trình xây dựng trên thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 905643, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00490/QSDĐ/2363/QĐ-UBH do Ủy ban nhân dân Huyện Từ Liêm cấp ngày 22/9/2003 cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T2.

2, Các đương sự thống nhất xác định Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 10, diện tích 139 m² tại địa chỉ Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội) và các công trình xây dựng trên thửa đất có giá trị là 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng.

3, Chia tài sản chung vợ chồng của ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị N:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T2 mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 10, diện tích 139 m² tại địa chỉ Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội) và $\frac{1}{2}$ công trình xây dựng trên thửa đất.

4, Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 để lại là $\frac{1}{2}$ Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 10, diện tích 139 m² tại địa chỉ Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội) và $\frac{1}{2}$ công trình xây dựng trên thửa đất. Có giá trị là: 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng.

5, Thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 là năm 2018. Ông Nguyễn Văn T2 không để lại di chúc. Di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 được chia theo pháp luật.

6, Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T2 gồm:

Bà Nguyễn Thị N.

Chị Nguyễn Thị Phương T1.

Anh Nguyễn Chí C.

Chị Nguyễn Thị Bích T.

Chị Nguyễn Thị Phương T1, anh Nguyễn Chí C và chị Nguyễn Thị Bích T đều tự nguyện từ chối nhận phần di sản của ông Nguyễn Văn T2 và không có ý kiến gì khác.

Do đó, xác định bà Nguyễn Thị N là người được hưởng thừa kế duy nhất theo pháp luật của ông Nguyễn Văn T2.

7, Chia hiện vật:

Bà Nguyễn Thị N được toàn quyền sở hữu và sử dụng Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 10, diện tích 139 m² tại địa chỉ Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội) và các công trình xây dựng trên thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 905643, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00490/QSDĐ/2363/QĐ-UBH do Ủy ban nhân dân huyện Từ

Liên cấp ngày 22/9/2003 cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T2. Có giá trị 5.000.000.000 đồng. *(Có sơ đồ trích đo địa chính thửa đất kèm theo).*

8, Bà Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 10, diện tích 139 m² tại địa chỉ Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội) theo quy định của pháp luật.

9, Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

III. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực I-HN;
- Chi cục THA khu vực I- HN;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

(Đã ký)
Đồng Thị Lai